PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-GTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt như sau[1]*:*

---

[1] Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt; Nghị định số 03/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 109/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt."

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, trình tự, nội dung, biện pháp giải quyết, công tác phân tích, chế độ thống kê, báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt xảy ra trên hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giao thông vận tải đường sắt trên hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tai nạn giao thông đường sắt* là việc phương tiện giao thông đường sắt xảy ra đâm nhau, trật bánh, đổ tàu, đâm, va vào người, phương tiện giao thông khác và ngược lại hoặc phương tiện giao thông đường sắt đang hoạt động đâm, va vào chướng ngại vật gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản.

2. Người bị thương trong vụ tai nạn giao thông đường sắt là người bị tổn thương về sức khỏe, bị ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường do ảnh hưởng trực tiếp của tai nạn giao thông.

3. Người bị chết trong vụ tai nạn giao thông đường sắt là người bị chết tại hiện trường vụ tai nạn; người bị thương trong vụ tai nạn được cấp cứu nhưng chết tại bệnh viện, tại nhà hoặc trên đường đi cấp cứu.

4. *Sự cố giao thông đường sắt* là những vụ việc xảy ra trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt gây trở ngại đến chạy tàu nhưng chưa xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

5. Trung tâm điều hành vận tải đường sắt là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, có nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ hoạt động chạy tàu trên hệ thống đường sắt quốc gia hoặc là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng, có nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ hoạt động chạy tàu trên đoạn đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

6.[2] Trung tâm Ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn Đường sắt Việt Nam, các Trung tâm Ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn đường sắt khu vực là đơn vị trực

---

[2] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-GTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thực hiện công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt bão; ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn đường sắt.

Điều 4. Nguyên tắc giải quyết tai nạn giao thông đường sắt

1. Việc giải quyết tai nạn giao thông đường sắt phải bảo đảm tuyệt đối an toàn, nhanh chóng và kịp thời.

2. Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đường sắt phải có trách nhiệm phối hợp giải quyết.

3. Tổ chức cứu chữa ngay đối với người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp và người bị nạn.

4.[3] Tai nạn giao thông đường sắt phải được thông tin, báo cáo kịp thời cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt phải đến ngay hiện trường để giải quyết; không được gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt và hoạt động giao thông vận tải đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

6. Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Hội đồng) hoặc người chủ trì giải quyết tai nạn được quyền huy động mọi nguồn lực tại chỗ, kể cả các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt khác để phục vụ cho công tác cứu chữa tai nạn giao thông đường sắt.

7. Tổ chức khôi phục hoạt động giao thông đường sắt nhanh nhất và không gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý của cơ quan chức năng.

Điều 5. Nguyên tắc giải quyết sự cố giao thông đường sắt

1. Các sự cố giao thông đường sắt phải được lập biên bản.

2. Khi sự cố giao thông đường sắt xảy ra ở khu gian, việc lập biên bản do trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) thực hiện. Trường hợp sự cố giao thông đường sắt xảy ra trong phạm vi ga, việc lập biên bản do trực ban chạy tàu hoặc trưởng ga thực hiện.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quy định cụ thể về việc giải quyết, xử lý sự cố giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia quy định cụ thể việc giải quyết, xử lý sự cố giao thông đường sắt trên đường sắt chuyên dùng.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

4.[4] Sự cố giao thông đường sắt phải được thông tin, báo cáo kịp thời cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
PHÂN LOẠI VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 6. Phân loại theo nguyên nhân

Tai nạn giao thông đường sắt bao gồm tai nạn do nguyên nhân chủ quan và tai nạn do nguyên nhân khách quan:

1. Tai nạn do nguyên nhân chủ quan là tai nạn xảy ra do vi phạm các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường sắt của tổ chức, cá nhân thuộc các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt.

2. Tai nạn do nguyên nhân khách quan là tai nạn do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, địch họa) hoặc các nguyên nhân khác ngoài nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp kinh doanh đường sắt.

Điều 7. Phân loại theo tính chất của tai nạn giao thông đường sắt

Tai nạn giao thông đường sắt bao gồm tai nạn chạy tàu và tai nạn khác:

1. Tai nạn chạy tàu là tai nạn xảy ra khi phương tiện giao thông đường sắt đâm nhau, trật bánh, đổ; đâm, va chạm vào chướng ngại, phương tiện giao thông khác và ngược lại, gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc tài sản của tổ chức, cá nhân.

2.[5] Tai nạn khác là những tai nạn về người, xảy ra khi phương tiện giao thông đường sắt va, cán người; người nhảy lên hay rơi từ trên phương tiện giao thông đường sắt xuống; ném đất, đá, các vật khác lên phương tiện giao thông đường sắt hoặc rơi từ phương tiện giao thông đường sắt xuống gây thiệt hại về tài sản, tính mạng và sức khỏe của con người.

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 8. Phân loại theo mức độ thiệt hại do tai nạn giao thông đường sắt gây ra[6]

1. Tai nạn giao thông đường sắt ít nghiêm trọng là tai nạn có từ 1 đến 5 người bị thương hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.

2. Tai nạn giao thông đường sắt nghiêm trọng là tai nạn có 1 người chết hoặc có từ 6 đến 8 người bị thương hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.

3. Tai nạn giao thông đường sắt rất nghiêm trọng là tai nạn có 2 người chết hoặc có từ 9 đến 10 người bị thương hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng.

4. Tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt nghiêm trọng là tai nạn có từ 3 người chết trở lên hoặc có từ 11 người bị thương trở lên hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên.

Điều 9. Trách nhiệm của trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt

1. Tổ chức sơ cứu, cấp cứu ngay người bị nạn, bảo vệ tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp, người bị nạn theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

2. Tổ chức phòng vệ địa điểm tai nạn theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

3. Thông tin, báo cáo ngay về vụ tai nạn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Mục 2, Chương III của Thông tư này.

4. Lập biên bản, báo cáo về vụ tai nạn theo Mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này (nếu đã có trưởng ga hoặc cơ quan công an lập Hồ sơ tai nạn) hoặc lập Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn chuyển giao cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cử người thay mình ở lại làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Mục 3, Chương III của Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của trưởng ga khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt

1. Trưởng ga khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt phải trực tiếp hoặc cử người đến ngay hiện trường để hỗ trợ cấp cứu người bị nạn và tham gia các công việc khác để khắc phục hậu quả vụ tai nạn.

2. Trưởng ga phải lập Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn (nếu tai nạn xảy ra trong phạm vi ga do mình phụ trách) hoặc tiếp nhận Hồ sơ ban đầu do trưởng tàu, lái tàu lập (khi tai nạn xảy ra trong khu gian) để chuyển giao cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

3. Trưởng ga là người chủ trì giải quyết hậu quả ban đầu của vụ tai nạn chạy tàu nếu Chủ tịch Hội đồng hoặc người chủ trì giải quyết tai nạn chưa đến hiện trường.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia

1. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt, tổ chức giải quyết các vụ tai nạn giao thông đường sắt; tổ chức thực hiện công tác cứu hộ trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia khi có yêu cầu.

2. Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia căn cứ theo nguyên nhân, tính chất, mức độ thiệt hại để lập Hội đồng giải quyết tai nạn hoặc giao nhiệm vụ cho cá nhân có thẩm quyền để chủ trì giải quyết tai nạn.

3. Khi các phương tiện giao thông đường sắt của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam xảy ra tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia thì Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng thành lập Hội đồng giải quyết tai nạn, nhưng trong Hội đồng phải có đủ thành phần của hai bên để cùng nhau giải quyết.

4. Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng quy định cụ thể việc thành lập Hội đồng giải quyết tai nạn hoặc giao cho cá nhân chủ trì giải quyết tai nạn; quy định nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng và các đơn vị thuộc quyền quản lý có liên quan; quy định cụ thể về công tác cứu hộ tai nạn trên các khu vực đường sắt thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp để đảm bảo giải quyết hậu quả tai nạn được nhanh chóng, an toàn mọi mặt.

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng hoặc người chủ trì và các thành viên Hội đồng giải quyết tai nạn[7]

1. Chủ tịch Hội đồng hoặc người chủ trì giải quyết tai nạn là người có quyền hạn và trách nhiệm cao nhất trong việc giải quyết tai nạn tại hiện trường, được quyền huy động nhân lực, vật lực tại chỗ để cứu chữa người bị nạn; ra các quyết

[7] Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

định cần thiết, phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn theo đúng quy định của pháp luật và phải chỉ đạo hoàn thành các công việc sau:

a) Tổ chức cứu chữa người bị nạn, bảo vệ hiện trường, tài sản;

b) Tham gia điều tra, lập biên bản khám nghiệm hiện trường theo yêu cầu của cơ quan công an;

c) Phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương có liên quan hoàn thiện các thủ tục pháp lý mai táng nạn nhân;

d) Lập phương án cứu chữa và phân công nhân lực thực hiện chuyển tải hành khách, hàng hóa; cứu hộ đầu máy, toa xe; sửa chữa cầu, đường và các phương tiện thiết bị khác bị hư hỏng để nhanh chóng khôi phục chạy tàu qua vị trí tai nạn và thông tuyến; đảm bảo an toàn mọi mặt trong quá trình cứu chữa;

đ) Tập hợp biên bản, hồ sơ vụ tai nạn; xác định khối lượng công việc, nhân công của các đơn vị tham gia cứu hộ, cứu nạn;

e) Xây dựng báo cáo tổng hợp; đề xuất việc khen thưởng thành tích và xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết tai nạn; đề xuất biện pháp với cơ quan có thẩm quyền để khôi phục bình thường hoạt động đường sắt và giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan.

g)[8] Tổng hợp các thiệt hại của vụ tai nạn để cung cấp cho các cơ quan chức năng phục vụ điều tra và bồi thường theo quy định của pháp luật (nếu có) cho tổ chức, cá nhân bị hại.

2. Các thành viên tham gia Hội đồng phải triệt để thi hành phần việc được phân công và thực hiện tốt các công việc được giao; mọi tổ chức, cá nhân khác tham gia giải quyết tai nạn đều chịu sự chỉ đạo và phải chấp hành mọi quyết định của Chủ tịch Hội đồng hoặc người chủ trì giải quyết tai nạn.

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động giao thông đường sắt

Khi xảy ra tai nạn làm gián đoạn giao thông đường sắt thì Lãnh đạo các doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện giao thông đường sắt và các đơn vị khác liên quan đến tai nạn phải cử ngay người có thẩm quyền nhanh chóng tới hiện trường nắm bắt tình hình và tham gia giải quyết tai nạn, khôi phục giao thông.

---

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 14. Trách nhiệm của bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành đường sắt[9]

1. Khi nhận được tin báo xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, đội Thanh tra đường sắt khu vực phải kịp thời cử người đến hiện trường:

a) Tham gia giải quyết tai nạn; giám sát và thu thập tài liệu để phục vụ cho việc phân tích, xác định nguyên nhân và xử lý vi phạm;

b) Phối hợp trong việc điều tra, giải quyết tai nạn theo đề nghị của cơ quan công an có thẩm quyền.

2. Đội Thanh tra đường sắt khu vực phải báo cáo kịp thời các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này về Cục Đường sắt Việt Nam.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân nơi có đường sắt đi qua

Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, Ủy ban nhân dân nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt cứu giúp người bị nạn, bảo vệ tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp và người bị nạn. Trường hợp có người chết không rõ tung tích, không có thân nhân hoặc thân nhân không có khả năng chôn cất thì Ủy ban nhân dân nơi xảy ra tai nạn có trách nhiệm tổ chức chôn cất.

Chương III
TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Mục 1
CẤP CỨU NGƯỜI BỊ NẠN, PHÒNG VỆ ĐỊA ĐIỂM TAI NẠN

Điều 16. Tổ chức cấp cứu người bị nạn

1. Trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) phải tổ chức sơ cứu ngay người bị nạn. Căn cứ vào tình hình thực tế, thực hiện các quy định sau:

a) Nếu vị trí xảy ra tai nạn thuận lợi cho việc đưa nạn nhân đi cấp cứu bằng các phương tiện giao thông khác thì phải cử người hoặc huy động khẩn cấp người, phương tiện đưa nạn nhân đến nơi gần nhất có cơ sở y tế để cấp cứu;

b) Tổ chức đưa nạn nhân lên tàu hoặc đầu máy, đưa đến ga thuận lợi nhất để chuyển đi cấp cứu;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

c) Trường hợp không thể tổ chức đưa đi cấp cứu theo quy định tại điểm a, b khoản này thì đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan, cơ sở y tế tại nơi gần nhất hỗ trợ phương tiện, thuốc men.

2. Cùng với việc tổ chức cấp cứu người bị thương và cử người trông coi nạn nhân, nếu trên các xe bị nạn có người phải chuyển sang các toa xe khác hoặc xuống dưới đất thì phải cử người trông coi, bảo vệ tài sản (trường hợp là hàng nguy hiểm thì phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn).

3. Khi có người bị thương trong ga hoặc trên tàu giao xuống ga thì trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu tổ chức việc cấp cứu người bị nạn.

Điều 17. Tổ chức phòng vệ địa điểm tai nạn

1. Trưởng tàu, lái tàu có trách nhiệm tổ chức phòng vệ địa điểm tai nạn theo quy định hiện hành khi tai nạn xảy ra trong khu gian.

2. Trực ban chạy tàu ga có trách nhiệm tổ chức phòng vệ địa điểm tai nạn theo quy định hiện hành khi tai nạn xảy ra trong phạm vi ga.

Mục 2
BÁO TIN VỀ TAI NẠN

Điều 18. Trình tự báo tin khi xảy ra tai nạn

1. Trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) phải báo ngay cho trực ban chạy tàu ga hoặc điều độ chạy tàu.

2. Trực ban chạy tàu ga phải báo ngay cho những tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Điều độ chạy tàu;

b) Trực ban chạy tàu ga bên;

c) Trưởng ga.

3. Trưởng ga phải báo ngay cho những tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Cơ quan công an nơi gần nhất;

b) Ủy ban nhân dân nơi gần nhất (trong trường hợp xảy ra tai nạn chết người và trong các trường hợp cần sự phối hợp của UBND các cấp);

c)[10] Đội Thanh tra đường sắt khu vực đối với tai nạn chạy tàu.

---

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

d)[11] Các đơn vị liên quan trong khu ga và Trung tâm Ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn đường sắt khu vực (trong trường hợp xảy ra tai nạn giao thông trên đường sắt quốc gia).

4. Điều độ chạy tàu, Trực ban điều độ, phải báo ngay cho những tổ chức, cá nhân sau đây:

a)[12] Lãnh đạo Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt, lãnh đạo Trung tâm Ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn Đường sắt Việt Nam thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

b) Lãnh đạo doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng và các đơn vị có liên quan khác, tổ chức lực lượng đến tham gia giải quyết tai nạn.

5.[13] Lãnh đạo Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt báo ngay cho lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam để chỉ đạo, tổ chức giải quyết tai nạn, cứu hộ theo quy định, đồng thời báo ngay cho lãnh đạo Cục Đường sắt Việt Nam để phối hợp.

6.[14] Đối với tai nạn chạy tàu rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, lãnh đạo Cục Đường sắt Việt Nam báo cáo ngay cho lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải để chỉ đạo.

7.[15] Trường hợp sự cố, tai nạn phải tổ chức cứu hộ có nguy cơ ách tắc chính tuyến nhiều giờ, lãnh đạo Cục Đường sắt Việt Nam, lãnh đạo Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cập nhật quá trình giải quyết, các biện pháp giải quyết và báo cáo ngay lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải.

---

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT- BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 19. Biện pháp báo tin

1. Khi xảy ra tai nạn, phải nhanh chóng tìm mọi biện pháp, thông qua các phương tiện thông tin, liên lạc hoặc gặp gỡ trực tiếp để báo tin về tai nạn đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 18 của Thông tư này.

2. Trong trường hợp các cá nhân quy định tại Điều 18 của Thông tư này không thể liên lạc được với một trong số các tổ chức, cá nhân có liên quan thì yêu cầu tổ chức, cá nhân mình đã liên lạc được cùng phối hợp, hỗ trợ trong việc báo tin cho tổ chức, cá nhân còn lại.

Điều 20. Nội dung thông tin phải báo tin

1. Nội dung thông tin ban đầu về tai nạn phải kịp thời, chính xác và bao gồm một số nội dung chính như sau:

a) Địa điểm xảy ra tai nạn (km, khu gian, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố);

b) Thời gian xảy ra tai nạn;

c) Số người chết, số người bị thương;

d) Sơ bộ trạng thái hiện trường, phương tiện bị tai nạn, cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng;

đ) Các thông tin khác theo yêu cầu của người nhận tin báo.

2. Ngoài việc báo tin ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều này, trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tai nạn xảy ra ngoài khu gian); trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu (nếu tai nạn xảy ra trong ga) phải lập báo cáo tai nạn theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này. Báo cáo tai nạn được gửi cùng Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn tới các cơ quan chức năng theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Thông tư này.

3.[16] Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tổ chức bộ phận thường trực, thiết lập số điện thoại 24/24 giờ để tiếp nhận và báo cáo kịp thời thông tin về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và công khai số điện thoại, số fax, địa chỉ hộp thư điện tử trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 21. Xử lý tin báo về tai nạn

Mọi tổ chức, cá nhân khi nhận được tin báo về tai nạn hoặc yêu cầu phối hợp, hỗ trợ trong việc báo tin phải tìm mọi biện pháp để thực hiện theo đề nghị và báo lại cho người đề nghị (nếu được), đồng thời phải triển khai thực hiện ngay các công việc, biện pháp nghiệp vụ theo quy định nếu vụ tai nạn thuộc phạm vi, trách nhiệm của mình. Nếu vụ tai nạn không thuộc phạm vi, trách nhiệm giải quyết của

---

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT- BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

mình thì tiếp tục báo tin về vụ tai nạn cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm và phải phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ khi có đề nghị của tổ chức, cá nhân có trách nhiệm.

Mục 3
LẬP HỒ SƠ BAN ĐẦU VỤ TAI NẠN

Điều 22. Lập hồ sơ ban đầu vụ tai nạn

1.[17] Khi xảy ra tai nạn cùng với việc cấp cứu người bị nạn, Trưởng tàu hoặc Lái tàu (nếu tai nạn xảy ra ở khu gian), Trưởng ga hoặc Trực ban chạy tàu ga (nếu tai nạn xảy ra trong ga) phải thực hiện việc lập Hồ sơ ban đầu.

Hồ sơ ban đầu do Trưởng tàu hoặc Lái tàu (nếu tàu không có Trưởng tàu) lập được giao lại cho Trưởng ga hoặc Trực ban chạy tàu ga có đỗ gần nhất.

2. Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn gồm có:

a) Biên bản vụ tai nạn (nội dung của biên bản vụ tai nạn lập theo Mẫu số 1 Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này);

b) Bản ghi lời khai theo Mẫu số 2 Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này hoặc báo cáo của nạn nhân (nếu nạn nhân còn nói được, viết được);

c) Báo cáo của nhân viên đường sắt có liên quan;

d) Báo cáo của ít nhất 02 người chứng kiến nhưng không liên quan đến tai nạn (nếu có);

đ) Biên bản bàn giao nạn nhân, tài sản và các giấy tờ có liên quan.

e)[18] Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn quy định theo Mẫu số 3 Phụ lục số 2 của Thông tư này.

3.[19] Trưởng ga hoặc Trực ban chạy tàu ga, sau khi lập hoặc nhận bàn giao Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn, trong vòng 48 giờ, phải gửi cho các cơ quan có thẩm quyền như sau:

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

a) 01 bộ gửi cho cơ quan công an cấp quận, huyện nơi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt;

b) 01 bộ gửi cho đội Thanh tra đường sắt khu vực;

c) 01 bộ gửi cho Trung tâm Ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn đường sắt khu vực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4.[20] Trong trường hợp tai nạn xảy ra trên đường sắt chuyên dùng thì Trưởng ga hoặc Trực ban chạy tàu ga sau khi lập hoặc nhận bàn giao Hồ sơ ban đầu phải thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này và gửi cho doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng.

Mục 4
GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ, KHÔI PHỤC GIAO THÔNG

Điều 23. Giải quyết hậu quả, khôi phục giao thông trong trường hợp có người chết

1. Khi có người chết thì trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) phải cử người trông coi, bảo vệ nạn nhân cho đến khi bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp tàu có thể chạy tiếp được mà vị trí người chết trở ngại tới chạy tàu thì đánh dấu vị trí người chết (phải ghi rõ trong biên bản tai nạn) rồi đưa ra khỏi phạm vi trở ngại để cho tàu chạy tiếp. Trường hợp chưa báo được tin vụ tai nạn theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này thì tới ga đầu tiên đỗ lại để báo tin theo quy định.

Nếu chỉ có Trưởng tàu hàng và ban lái máy hoặc chỉ có ban lái máy thì cử phụ lái tàu ở lại trông coi nạn nhân. Trường hợp xảy ra tai nạn mà trên tàu chỉ có một lái tàu thì lái tàu có quyền giao nhiệm vụ cho một cán bộ công nhân viên đường sắt đang làm nhiệm vụ tại nơi xảy ra tai nạn ở lại trông coi nạn nhân hoặc phải trực tiếp ở lại trông coi nạn nhân và dùng mọi phương tiện thông tin nhanh nhất để báo tin cho ga gần nhất. Sau khi nhận được báo tin vụ tai nạn, trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu ga phải nhanh chóng cử người ra trông coi nạn nhân để lái tàu tiếp tục cho tàu chạy hoặc để phụ lái tàu về ga cùng lái tàu tiếp tục cho tàu chạy.

2. Trường hợp có người chết trên tàu, trưởng tàu đưa thi thể nạn nhân xuống ga gần nhất giao cho trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu ga giải quyết. Nạn nhân

---

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 10 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

có thân nhân đi cùng và nếu có yêu cầu, trưởng tàu có thể giải quyết cho xuống ga thuận tiện nhưng không được đi quá 100km tính từ vị trí nạn nhân bị chết. Trong mọi trường hợp đều không được giải quyết theo hướng đưa nạn nhân trở lại ga đi.

3. Khi có người chết vì tai nạn giao thông đường sắt trong phạm vi ga hoặc trên tàu giao xuống ga thì trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu ga phải tổ chức trông coi nạn nhân và phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan có chức năng khác tiếp tục giải quyết.

4. Mai táng nạn nhân:

a) Trường hợp nạn nhân bị chết có thân nhân đi cùng hoặc là người địa phương hoặc người của cơ quan, đơn vị ở gần ga, trưởng ga tham gia phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương làm các thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc mai táng nạn nhân do địa phương, thân nhân hoặc cơ quan nạn nhân chủ trì giải quyết;

b) Trường hợp nạn nhân bị chết chưa xác định được tung tích thì sau khi phối hợp với công an, chính quyền địa phương làm xong các thủ tục lập Hồ sơ vụ tai nạn, trưởng ga liên hệ với chính quyền địa phương để phối hợp mai táng nạn nhân;

c) Trường hợp nạn nhân bị chết là người nước ngoài, trưởng ga phối hợp với công an, chính quyền địa phương báo cáo về cơ quan công an cấp tỉnh để giải quyết.

5. Hồ sơ mai táng nạn nhân phải có các giấy tờ, tài liệu sau đây:

a) Biên bản khám nghiệm hiện trường do cơ quan công an lập hoặc Biên bản vụ tai nạn;

b)[21] Biên bản khám nghiệm tử thi (nếu có);

c) Giấy cho phép mai táng nạn nhân do cơ quan công an cấp;

d) Biên bản bàn giao thi thể nạn nhân.

6. Khi Chủ tịch Hội đồng hoặc người được giao nhiệm vụ chủ trì giải quyết tai nạn đến hiện trường (trong trường hợp trưởng ga không được giao nhiệm vụ chủ trì giải quyết tai nạn) thì trưởng ga báo cáo lại và thực hiện các công việc giải quyết hậu quả đối với người bị chết theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng hoặc người được giao nhiệm vụ chủ trì giải quyết tai nạn.

---

[21] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 24. Việc khôi phục giao thông trong trường hợp phải xin cứu hộ

1. Khi xảy ra sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, hoặc các trường hợp bất thường khác dẫn đến phải ngừng tàu mà những người có mặt tại hiện trường không có khả năng giải quyết để bảo đảm an toàn cho tàu chạy tiếp thì trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu xảy ra ngoài khu gian), trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu (nếu xảy ra trong ga) phải yêu cầu cứu hộ.

2. Người yêu cầu cứu hộ phải khẩn trương quan sát hiện trường, tổng hợp tình hình, thông báo đủ, chính xác nội dung của yêu cầu cứu hộ và chịu trách nhiệm về nội dung yêu cầu cứu hộ của mình. Sau khi yêu cầu cứu hộ, cùng nhân viên các đơn vị liên quan có mặt tại hiện trường tiến hành kiểm tra xem xét hiện trường rồi lập biên bản ban đầu đồng thời phân công người bảo vệ hiện trường cho đến khi cơ quan chức năng đến giải quyết.

3. Trong những trường hợp nhận được thông tin cứu hộ tai nạn chạy tàu xảy ra trong khu gian do người không làm công tác chạy tàu trong khu gian báo tin thì trực ban chạy tàu hoặc trưởng ga phải báo ngay về điều độ chạy tàu và ga bên cùng thống nhất phương án nhanh nhất cử người đến hiện trường kiểm tra cụ thể để làm thủ tục xin cứu hộ.

4. Khi cơ quan chức năng đến giải quyết thì việc bàn giao hồ sơ, giấy tờ, trang thiết bị, các vật chứng có liên quan khác thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

5. Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quy định cụ thể việc tổ chức cứu hộ, khôi phục giao thông trên đường sắt quốc gia, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng quy định cụ thể việc tổ chức cứu hộ, khôi phục giao thông trên đường sắt chuyên dùng.

Điều 25. Việc khôi phục giao thông trong trường hợp không phải xin cứu hộ

1. Khi sự cố, tai nạn xảy ra, trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu xảy ra ngoài khu gian); trưởng ga hoặc trực ban chạy tàu ga (nếu xảy ra trong ga) sau khi đã phối hợp với các cá nhân có liên quan kiểm tra đầu máy, toa xe, thiết bị trên đường sắt, nếu không có thiệt hại gì hoặc thiệt hại không đáng kể, mọi chướng ngại đã được đưa ra ngoài khổ giới hạn đầu máy, toa xe và tàu có thể tiếp tục chạy được thì cho tàu chạy tiếp sau khi đã lập xong Hồ sơ ban đầu.

2. Trường hợp tàu đâm phải gia súc lớn như trâu, bò v.v.. hoặc có va quệt mà không ảnh hưởng đến an toàn chạy tàu thì không phải bắt tàu ngừng.

Điều 26. Kinh phí giải quyết hậu quả, khôi phục giao thông

Các Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt chịu trách nhiệm về kinh phí để phục vụ việc giải quyết hậu quả sự cố, tai nạn giao thông đường sắt và khôi phục giao thông theo quy định của pháp luật.

Chương IV
PHÂN TÍCH, BỒI THƯỜNG VÀ CHẾ ĐỘ THỐNG KÊ, BÁO CÁO SỰ CỐ, TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 27. Phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

1.[22] Sự cố, tai nạn giao thông đường sắt phải được tiến hành phân tích nguyên nhân, đề ra biện pháp khắc phục và phòng ngừa. Việc phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt phải căn cứ vào các quy định hiện hành.

2.[23] Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt xảy ra trên đường sắt quốc gia, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý. Đối với các vụ tai nạn giao thông rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày tai nạn xảy ra phải thành lập Hội đồng phân tích, khi tổ chức phân tích có đại diện của Cục Đường sắt Việt Nam tham gia.

3. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sẽ quyết định thành lập Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn giao thông đường sắt hoặc ủy quyền cho Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng phân tích sự cố, tai nạn gồm: đại diện doanh nghiệp kinh doanh đường sắt; đại diện Cục Đường sắt Việt Nam; đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan và các Chuyên gia về lĩnh vực an toàn giao thông vận tải đường sắt.

Điều 28. Bồi thường thiệt hại

Mọi tổ chức, cá nhân để xảy ra sự cố, tai nạn giao thông đường sắt đều phải bồi thường thiệt hại (kể cả thiệt hại do chậm tàu), thanh toán các chi phí giải quyết sự cố, tai nạn do hành vi vi phạm của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chế độ thống kê, báo cáo

1. Tất cả các sự cố, tai nạn đều phải được lập Hồ sơ để làm cơ sở phân tích, kết luận nguyên nhân, tổng hợp tình hình an toàn chung trong hoạt động đường sắt và tham mưu cho Lãnh đạo các cấp trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt.

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

2. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ, thống kê, báo cáo, tổng hợp tình hình về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

3. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng phải tổng hợp tình hình sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định và báo cáo về Bộ Giao thông vận tải (qua Cục Đường sắt Việt Nam, Vụ An toàn giao thông) và thông báo cho các đơn vị có liên quan. Báo cáo thực hiện theo các biểu Mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

4.[24] Ngay sau khi có kết quả phân tích tai nạn rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng phải báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[25]

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành; bãi bỏ Quyết định số 191/QĐ-ĐS ngày 25/03/1994 của Tổng giám đốc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam ban hành Quy tắc giải quyết tai nạn giao thông đường sắt.

---

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

[25] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các Doanh nghiệp tham gia hoạt động đường sắt có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông vận tải đường sắt thực hiện Thông tư này.

2. Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam để tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết.

4. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ , Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Các Doanh nghiệp tham gia hoạt động đường sắt có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông vận tải đường sắt thi hành Thông tư này.

2. Cục Đường sắt Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Cục Đường sắt Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 22/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng12 năm 2013

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao Thông vận tải)

Phụ lục 1

BÁO CÁO TAI NẠN GIAO THÔNG

(Phần nào không có thì không viết)

1. Họ tên, chức vụ người báo cáo, đơn vị công tác:

2. Vụ việc xảy ra giờ..... ngày..... tháng..... năm:

3. Tình hình thời tiết khi xảy ra sự cố, tai nạn:

4. Địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn:

5. Số hiệu đoàn tàu, số hiệu đầu máy, thành phần đoàn tàu, trọng tải:

6. Họ tên, chức danh của những người liên quan: trưởng tàu, lái tàu, phụ lái tàu, trực ban chạy tàu, trưởng ga v.v....

7. Khái quát tình hình, nguyên nhân của sự cố, tai nạn:

8. Biện pháp đã giải quyết, xử lý:

9. Sơ bộ đánh giá thiệt hại về vật chất:

10. Thiệt hại về người:

a) Họ, tên, tuổi, nam hay nữ, nghề nghiệp, địa chỉ, số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu) v.v... của nạn nhân;

b) Số vé đi tầu của nạn nhân, ga đi, ga đến, số toa hành khách bị nạn;

c) Tình trạng thương tích của nạn nhân;

d) Tư trang hành lý của nạn nhân;

đ) Thân nhân của nạn nhân;

e) Cách giải quyết của người có trách nhiệm;

g) Họ, tên, chức vụ người ở lại trông coi thi thể nạn nhân.

11. Kết luận sơ bộ trách nhiệm thuộc ai:

12. Ngày, tháng, năm báo cáo. Báo cáo có chữ ký của người có trách nhiệm lập và những người tham gia.

Phụ lục 2
MẪU SỐ 1. BIÊN BẢN VỤ TAI NẠN
(Phần nào không có thì không viết)

1. Tên vụ tai nạn:

2. Thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn: (km, khu gian, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố.

3. Thời gian bắt đầu lập biên bản:

4. Thành phần tham gia gồm những ai tham gia (ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị) đã đến tận nơi xảy ra tai nạn tiến hành xem xét hiện trường, ghi lại kết quả như sau:

5. Tình hình khái quát: (số hiệu đoàn tàu, số hiệu đầu máy, số lượng toa xe, họ và tên những người có liên quan, tình hình thời tiết, kế hoạch, tác nghiệp chỉ huy chạy tàu hoặc dồn tàu và nội dung sự việc khi xảy ra tai nạn, vẽ sơ đồ hiện trường).

6. Tang vật, dấu vết và số liệu đo đạc, di chuyển các thiết bị của đầu máy, toa xe, đường, ghi, trang thiết bị, hàng hóa...

7. Dấu vết liên quan đến con người, vị trí đã di chuyển, xê dịch....

8. Thống kê sơ bộ thiệt hại: (đầu máy, toa xe, cầu đường, ghi, giờ ách tắc giao thông, số tàu chậm, số tàu chuyển tải hoặc bãi bỏ, số người chết, bị thương...).

9. Kết luận sơ bộ (nguyên nhân và trách nhiệm):

Biên bản lập xong lúc..... giờ.... phút, ngày..... tháng..... năm..... đã đọc lại cho các thành viên cùng nghe, công nhận đúng, cùng ký tên.

MẪU SỐ 2. BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm.... hồi.... giờ. Gồm những ai tham gia lấy lời khai (ghi rõ họ tên, chức vụ công tác), ngồi tại đâu để ghi lời khai của ai: bao nhiêu tuổi, sinh quán, số Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu), hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện nay, nghề nghiệp, đơn vị công tác, chức vụ đang làm việc.

Nội dung lời khai:

Bản lời khai này đã đọc cho ông, bà..... nghe, công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây.

Phụ lục 2

Mẫu số 3

SƠ ĐỒ HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN[26]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

- Thời gian xảy ra tai nạn.....
- Địa điểm xảy ra tai nạn .....
- Tên đoàn tàu .....
- Số hiệu đầu máy kéo .....
- Số toa xe .....
- Tổng trọng .....

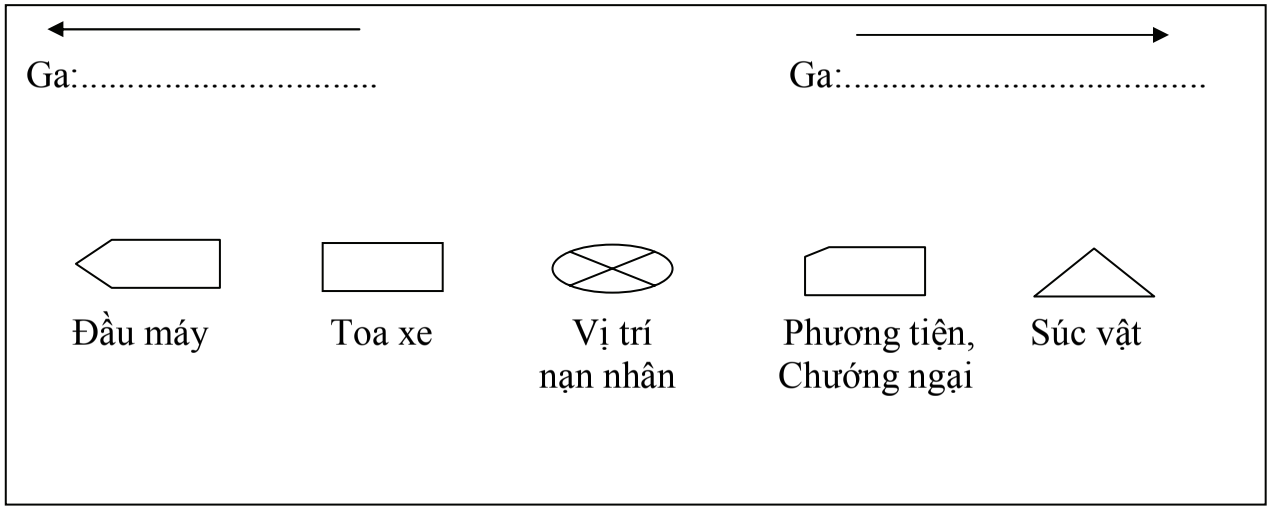

NGƯỜI VẼ
(Ký, ghi rõ họ tên)

[26] Phụ lục này được bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

THỐNG KÊ SỰ CỐ, TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT[27]

(từ ngày… tháng… năm… đến ngày… tháng… năm…; kèm theo Báo cáo số….)

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Loại sự cố, tai nạn	Sự cố, tai nạn xảy ra										Địa điểm xảy ra sự cố tai nạn								Khoảng thời gian xảy ra trong ngày (giờ)				Nguyên nhân		
	Số vụ xảy ra	Thiệt hại									ĐN có gác	ĐN có CBTĐ	ĐN có biển báo	ĐN dân sinh	Cầu ĐS	Hầm ĐS	Ga ĐS	Khác	Từ 0^h đến 6^h	Sau 6^h đến 12^h	Sau 12^h đến 18^h	Sau 18^h đến 24^h	Do chủ quan	Do khách quan	Khác
		Về người		Về tài sản																					
		Số người chết	Số người bị thương	Đầu máy	Toa xe	Cầu đường	Xe ô tô	Xe mô tô, xe đạp	Chậm tàu	Thiệt hại khác															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
I. Tai nạn																									
1. Đặc biệt nghiêm trọng																									
2. Rất nghiêm trọng																									
3. Nghiêm trọng																									
4. Ít nghiêm trọng																									
II. Sự cố																									
Tổng cộng:																									

[27] Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 29/2013/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2009/TT-BGTVT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Báo cáo hàng tháng phải nêu tóm tắt nội dung tất cả các vụ tai nạn chạy tàu nghiêm trọng và tai nạn khác có từ 01 người chết trở lên và tai nạn điển hình khác (nếu có) vào cuối báo cáo.

II. CHIA THEO CÁC HỆ

Vụ việc theo các hệ	Số vụ	Tỷ lệ %	Chậm tàu	Bế tắc chính tuyến
Ga tàu				
Đầu máy				
Toa xe				
Cầu đường				
Thông tin				
Công trình				
Điều hành vận tải				
Ngoài ngành				
Tổng cộng:				